

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST  
Ngày: 30 – 6 – 2021  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trí Viễn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Sĩ;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Đàm Thị Mỏl – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22/6/2021, 30/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2020/TLST-DS ngày 09/12/2020, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-DS ngày 01/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-DS ngày 22/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Văn C, sinh năm 1959.
  - Bị đơn: Lê Thị L, sinh năm 1952.
  - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Diệu H, sinh năm 1981.
- Cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.  
(Ông C có mặt, bà L và chị H vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Văn C trình bày: Năm 2006, sau khi bà Lê Thị L và bà Lê Thị L tranh chấp và được giải quyết bằng bản án, thì bà L sang nhượng cho ông phần đất tranh chấp nêu trên nhưng chưa sang tên, đến năm 2009 bà L chết, năm 2011 thì ông Nguyễn Văn M (con bà L) làm thủ tục nhận thừa kế từ bà L và

đã chuyển quyền sang tên cho ông hết diện tích trong giấy đỏ. Trong quá trình sử dụng, khoảng năm 2015 - 2016 thì bà Lê Thị L vào bao chiếm. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị L trả lại diện tích chiều ngang giáp lộ 9,6m, chiều ngang sau hậu 13,5m, chiều dài 61,7m, diện tích 702m<sup>2</sup>. Tại phiên tòa, ông C thay đổi diện tích chỉ khởi kiện yêu cầu bà L trả diện tích với chiều ngang 9,6m, chiều dài theo sơ đồ đo đạc ngày 16/7/2018.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không cung cấp tờ khai và cũng không có ý kiến về việc yêu cầu của nguyên đơn.*

Tuy nhiên, do vụ án nguyên đơn rút đơn khởi kiện nhiều lần, và các lần Tòa án thụ lý trước đây thì bị đơn cho là năm 1976 được Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Châu B, huyện Vĩnh Hưng (nay là huyện Tân Hưng) cấp đất, đến năm 1980 thì cho bà L cất nhà ở nhờ trên đất, năm 1997 thì cho con là Nguyễn Diệu H cất nhà ở trên phần đất mà cho bà L ở trước đây, nên phần đất tranh chấp là của bà, không đồng ý trả đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Buộc bà L, chị H di dời tài sản, trả lại cho ông C ngang: giáp lộ 9,6m, giáp đất ruộng 9,6m; dài: giáp ông C 60,62m, giáp bà L 60,9 m, theo sơ đồ đo đạc ngày 16/7/2018.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại huyện Tam Nông là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Qua đo đạc thực tế, thì phần đất tranh chấp diện tích 702m<sup>2</sup> (chiều ngang trước lộ 9,6m và sau hậu là 13,5m; chiều dài giáp ông C 60,62m, giáp bà L 61,17m), thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 02, được UBND huyện Tam Nông cấp giấy CNQSDĐ cho ông Lê Văn C ngày 02/6/2011. Tại phiên tòa, ông C chỉ yêu cầu trả diện tích 583m<sup>2</sup> (chiều ngang trước lộ và sau hậu là 9,6m; chiều dài giáp ông C 60,62m, giáp bà L 60,9m).

Xét yêu cầu đòi đất của nguyên đơn thấy: bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L trả đất, đã được Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử bằng Bản án số: 26/2006/DS-ST ngày 15/6/2006 với nội dung “Bác yêu cầu đòi dỡ nhà trả lại đất của bà Lê Thị L. Công nhận quyền sử dụng 641,28m<sup>2</sup> đất cho hộ bà Lê

Thị L, thuộc thửa số 569, tờ bản đồ số 02, giấy CNQSDĐ ngày 09/01/1999 do hộ bà Lê Thị L đứng tên”, bà L không đồng ý, kháng cáo và được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm bằng bản án số: 378/2006/DS-PT ngày 06/9/2006, với nội dung “Không chấp nhận kháng cáo. Bác yêu cầu của bà Lê Thị L yêu cầu bà Lê Thị L trả đất diện tích 641,28m<sup>2</sup>. Giữ nguyên hiện trạng đất cho hộ bà Lê Thị L tiếp tục sử dụng”.

Như vậy, việc tranh chấp quyền sử dụng đất của bà L với bà L đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bà L chết thì ông Nguyễn Văn M (con bà L) làm thủ tục sang tên theo diện thừa kế và làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C theo quy định (Theo văn bản số: 935/UBND-NC ngày 06/9/2018 của UBND huyện Tam Nông).

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu phía bà L cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng bà L vẫn không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Do đó, việc ông C khởi kiện yêu cầu bà L trả đất bao chiếm là có cơ sở, nên chấp nhận.

Tại văn bản số: 935/UBND-NC ngày 06/9/2018 của UBND huyện Tam Nông về việc cung cấp thông tin đã xác định: Ngày 02/6/2011, UBND huyện cấp giấy CNQSDĐ tại thửa 569, diện tích 1.275m<sup>2</sup> cho ông Lê Văn C là cấp theo hồ sơ nhận chuyển quyền sử dụng đất (nhận chuyển quyền hết diện tích thửa đất nên không đo đạc lại) và được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đối tượng theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

Do đó việc bà L được công nhận 641,28m<sup>2</sup>, rồi sau đó chuyển quyền cho ông C không đo đạc thực tế. Tại phiên tòa ông C cũng thừa nhận phần đất ông nhận sang nhượng từ bà L là phần đất mà bà L với bà L tranh chấp trước đây.

Nên với các chứng cứ trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc bà L trả lại đất theo diện tích 583m<sup>2</sup>.

[3] Từ những cơ sở trên, xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp, nên chấp nhận.

[4] Về chi phí đo đạc: tại phiên tòa, ông C cho là vụ án này ông đã nộp chi phí xong nhưng do Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án nhiều lần là do ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, nên trong vụ án này ông đồng ý chịu chi phí này, không yêu cầu bà L phải trả lại. Xét thấy đây sự tự nguyện của nguyên đơn, nên chấp nhận và không đề cập xử lý tiền chi phí này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 26, Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đáng lý bà L phải chịu án phí

nhưng do bà L là người cao tuổi, nên được xét miễn nộp tiền án phí. Ông C là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí, nên Hội đồng xét xử không xử lý.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 203 Luật đất đai; các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- Chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông Lê Văn C đối với bà Lê Thị L.

- Bà Lê Thị L có trách nhiệm giao trả phần đất 583m<sup>2</sup> cho ông Lê Văn C, thuộc thửa số 569, tờ bản đồ số 02, do ông Lê Văn C đứng tên tại giấy CNQSDĐ do UBND huyện Tam Nông cấp ngày 02/6/2011. Vị trí:

+ Phía Đông giáp đất và nhà của bà L, chi H 60,9m (Là đoạn nối mốc M2 đến mốc M9).

+ Phía Tây giáp đất ông C 60,62m (Là đoạn nối mốc M1 đến mốc M8)

+ Phía Nam giáp đất ruộng 9,6m (Từ mốc M8 đến mốc M9 (là điểm cách mốc M7 3,9m và cách mốc M6 8,12m)

+ Phía Bắc giáp lộ làng 9,6m (Từ mốc M1 đến mốc M2)

*(Có sơ đồ đo đạc ngày 16/7/2018 kèm theo).*

- Bà Lê Thị L và chị Nguyễn Diệu H có trách nhiệm di chuyển ra khỏi phần đất tranh chấp với mọi hình thức (chặt, đốn, di dời, ...) các cây cối, hàng rào và vật kiến trúc trên đất (nếu có).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L được miễn án phí.

- Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Phan Trí Viễn**

